TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HOÁ
Bản án số: 09/2021/HSST
Ngày 11/03/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH□ỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Lê Thị Tâm

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bình và Bà Bùi Thị Ngọc

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên toà:

Bà Lê Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2021/HSST ngày 29/01/2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST- HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Thị T, sinh ngày 26/3/1994;

Nơi sinh: Xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: Bản E, xã Trí N, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 05/12; Con ông: Lê Văn N (đã chết); Con bà: Phạm Thị L; Chồng: Lê Phi T, sinh năm: 1993; có 01 con sinh năm : 2018. Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã TN, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa (có mặt tại phiên tòa).

+ NG□ỜI BÀO CHỮA CHO BỊ CÁO LÊ THỊ T:

Ông: Trịnh Định Hợp - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp số 6 – Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá (có mặt tại phiên tòa).

+ NGƯỜI BỊ HẠI:

Chị Lê Thị T, sinh năm: 1985

Trú tại: Thôn LT, xã LS, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá**.** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI NGHĨA VỤ LIÊN QUAN:

1. Anh Lại Văn B, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn NS, xã LS, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa *(đề nghị xét xử mặt).*

2. Anh Lê Phi T, sinh năm: 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Bản E, xã TN, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8giờ 30 phút ngày 06/10/2020 Lê Thị T thuê xe lai đi từ nhà mình ở bản En, xã TN, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa, đến nhà chị Lê Thị T chơi và ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong, T ngủ trưa tại phòng khách nhà chị T1, còn chị T1 đưa các con các con đi học và đi làm giúp đám cầm vía nhà anh Lò Văn X ở cùng thôn. Đến khoảng 15giờ cùng ngày, Lê Thị T thức dậy đi xuống bếp ăn cơm, sau đó lên nhà sạc pin điện thoại. Quan sát thấy không có ai ở nhà, Lê Thị T nảy sinh ý định tìm tài sản trộm cắp nên đã đi vào phòng ngủ nhà chị T1. Lê Thị T đưa tay lên nóc tủ quần áo, thấy có chìa khóa nên lấy và mở cửa tủ. Khi cửa được mở, quan sát có một túi vải hoa văn thổ cẩm treo trên móc quần áo cùng chiếc áo len, Lê Thị T kiểm tra túi vải thấy có tiền nên mở khóa, lấy toàn bộ số tiền trong túi đếm được 3.000.000đ (ba triệu đồng), sau đó khóa tủ lại và cất chìa khóa vào chỗ cũ rồi ra về. Khi đang đi bộ ra quốc lộ 47 thì Toán gặp chị Lê Thị T1 đi về nên hỏi xin 100.000đồng để thuê xe về nhà. Sau đó, Lê Thị T thuê xe taxi do anh Lại Văn B, sinh năm: 1983, trú tại thôn NS, xã LS, huyện Thường Xuân điều khiển về nhà hết 200.000đồng, đến sáng ngày 07/10/2020 T đưa chồng là Lê Phi T, sinh năm 1993 số tiền 200.000đồng.

Ngày 07/10/2020, sau khi biết bị mất tài sản (tiền), chị Lê Thị T đã báo cáo Công an xã LS và Cơ quan điều tra Công an huyện TX, gia đình chị Tuân bị mất số tiền 50.000.000đồng và 03 (ba) chỉ vàng.

Ngày 08/10/2020, Lê Thị T nhận thức được hành vi của mình nên tự nguyện đến Cơ quan điều tra Công an huyện Thường Xuân đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp số tiền 2.600.000đồng. Ngày 11/10/2020 anh B và anh T cũng giao nộp cho Cơ quan điều tra mỗi người số tiền 200.000đồng.

Tại kết luận giám định số 305 KL/CSĐT ngày 11/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: 13 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng gửi giám định là tiền thật.

Đối với anh Lại Văn B và anh Lê Phi T không biết tiền Lê Thị T đưa là tiền do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án bị cáo Lê Thị T trả anh Lại Văn B số tiền 200.000đồng chở taxi, anh B nhận đủ số tiền và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Đối với số tiền 47.000.000đồng và 03 chỉ vàng chị T1 báo cáo mất, Cơ quan điều tra chưa xác định được đối tượng trộm cắp nên tiếp tục điều tra xử lý sau.

Về vật chứng của vụ án: Số tiền 3.000.000đồng xác định là của chị Lê Thị T1 nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T1. Chị T1 yêu cầu tiếp tục điều tra để tìm lại số tài sản còn lại mà gia đình chị bị mất.

Tại bản cáo trạng số 10/CT- VKSTX ngày 29/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân truy tố Lê Thị T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1, 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của Lê Thị T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Thị T từ 07 (bảy) đến 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) đến 20 (hai mươi) tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

Về phần bồi thường dân sự: Người bị hại chị Lê Thị T1 đã nhận số tiền 3.000.000đồng, số tiền còn lại 47.000.000đồng và 03 chỉ vàng, Cơ quan Công an huyện Thường Xuân tiếp tục điều tra khi có căn cứ xử lý bằng một vụ án khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Phi T không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 200.000đồng, anh Lại Văn B nhận đủ số tiền 200.000đồng của bị cáo T và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị T có quan điểm bào chữa cho rằng: Đồng ý với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, quá trình điều tra và tại phiên toà thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục hậu quả cho người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS tuyên phạt bị cáo một mức án phù hợp. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Lê Thị T.

Bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thường Xuân, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tiến hành đều hợp pháp.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 06/10/2020, Lê Thị T đã trộm cắp số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) của chị Lê Thị T1 ở Thôn LT, xã LS, huyện Thường Xuân,

tỉnh Thanh Hóa.

[2]. Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm trật tự an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Lê Thị T đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý tài sản đã lén lút trộm cắp 3.000.000đồng. Tại kết luận giám định số 305 KL/CSĐT ngày 11/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: 13 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng gửi giám định là tiền thật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành đầy đủ tội "*Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân truy tố Lê Thị T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có cơ sở. Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật tuyên phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương ứng với tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ:

- Nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.
- Tình tiết tăng nặng: Không.
- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội Lê Thị T đã đầu thú, tự nguyện khắc phục hậu quả cho người bị hại nên bị cáo Toán được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Xét tính chất vụ án; hành vi phạm tội và nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Lê Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là không cần thiết, mà áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo vẫn đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Lê Thị T không có việc làm, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Lê Thị T xin giảm nhẹ hình phạt.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Lê Thị T1 đã nhận số tiền 3.000.000đồng, số tiền còn lại 47.000.000đồng và 03 chỉ vàng, Cơ quan Công an huyện Thường Xuân tiếp tục điều tra khi có căn cứ giải quyết bằng một vụ án khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1,

khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Lê Thị T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

Xử phạt: Lê Thị T 7 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo.Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng. Thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/3/2021). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã TN, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách."*Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo*". Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị T.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Buộc Lê Thị T phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, Bị cáo Lê Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Phi T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/3/2021); Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lại Văn B vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Thị Tâm

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *VKSND huyện TX;*
- *Công an huyện TX;*
- *Chi cục THADS h.TX;*
- *Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;*
- *Bị cáo;*
- *Người bào chữa;*
- *Bị hại;người có QLNVLQ;*
- *Lưu hồ sơ.*